

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI****Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2)**Phòng thi:** E505**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h00**Ngày thi:** 19/07/2022

| TT | SBD    | Họ              | Tên    | Năm sinh   | Số tờ | Ký tên | Ghi chú |
|----|--------|-----------------|--------|------------|-------|--------|---------|
| 1  | TA0393 | Phạm Trung Tuấn | Anh    | 9/2/1999   |       |        |         |
| 2  | TA0394 | Lê              | Anh    | 14/8/1998  |       |        |         |
| 3  | TA0395 | Lê Hải          | Hà     | 12/2/1999  |       |        |         |
| 4  | TA0396 | Đào Xuân        | Hòa    | 12/4/1998  |       |        |         |
| 5  | TA0397 | Lê Khắc         | Huy    | 18/2/1998  |       |        |         |
| 6  | TA0402 | Đỗ Văn          | Trung  | 30/10/1999 |       |        |         |
| 7  | TA0403 | Nguyễn Đức      | Tuấn   | 4/8/1999   |       |        |         |
| 8  | TA0404 | Nguyễn Thị      | Linh   | 10/12/1999 |       |        |         |
| 9  | TA0405 | Lại Quang       | Mạnh   | 11/7/1998  |       |        |         |
| 10 | TA0406 | Bạch Phương     | Anh    | 16/4/1999  |       |        |         |
| 11 | TA0407 | Nguyễn Văn      | Linh   | 17/9/2000  |       |        |         |
| 12 | TA0408 | Trần Văn        | Trưởng | 3/8/1999   |       |        |         |
| 13 | TA0409 | Tổng Mỹ         | Linh   | 10/4/1999  |       |        |         |
| 14 | TA0410 | Nguyễn Quang    | Huy    | 23/9/1997  |       |        |         |

Tổng số thí sinh theo danh sách: ..... Tổng số thí sinh có mặt: .....

Tổng số bài thi: ..... Tổng số tờ giấy thi: .....

**Cán bộ coi thi thứ nhất**

(ký ghi rõ họ tên)

**Cán bộ coi thi thứ hai**

(ký ghi rõ họ tên)